TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 284/2023/DS-ST
Ngày: 29/09/2023
V/v tranh chấp: *"Thừa kế theo di chúc"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Thanh Minh

2/ Ông Nguyễn Tân Đạt

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cà Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp thừa kế theo di chúc". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2023/QĐXX- DS ngày 08 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Á**; sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Ngọc D - Văn phòng L2 - Đoàn luật sư tỉnh T, có mặt

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**; sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm xxxx, vắng mặt

5. Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

6. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm xxxx. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

7. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm xxxx, có mặt

8. Bà **Nguyễn Thị D1**, sinh năm xxxx, có mặt

9. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm xxxx, có mặt

10. Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm xxxx. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

Chị **Nguyễn Thị Xuân L**, sinh năm xxxx, vắng mặt

Chị **Phạm Thị L1**, sinh năm xxxx, vắng mặt

Chị **Nguyễn Thị Kim H1**, sinh năm xxxx, vắng mặt

Chị **Dương Thị Thanh H2**, sinh năm xxxx, có mặt

Anh **Nguyễn Ngọc Q**, xxxx, vắng mặt

Chị **Phạm Thị Thu H3**, sinh năm xxxx, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Q, chị H3: Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm xxxx (Chết ngày 01/6/2023)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị A:

- Chị Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm xxxx, vắng mặt
- Chị Phạm Thị L1, sinh năm xxxx, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á trình bày: Cha của bà Á là cụ Nguyễn Văn M1 chết năm 2011, mẹ là cụ Đào Thị S1 chết năm 2013. Cụ M1 và cụ S1 có 07 người con là bà Nguyễn Thị A, bà nguyễn Thị Á1, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị D1. Khi còn sống cụ M1 và cụ S1 có lập Di chúc ngày 22/8/1997 chia tài sản cho các con như sau: Bà Á1 được sử dụng căn nhà thờ để thờ cúng ông bà, 20 sào ruộng và 2,5 sào đất gò; ông S được quyền sử dụng 0,3 sào đất gò, 20 sào ruộng và 500.000 đồng tiền mặt; bà A được quyền sử dụng 1,5 sào đất thổ cư, bà H được quyền sử dụng 02 sào đất thổ cư; ông M được quyền sử dụng 02 sào đất thổ cư (Giáp gò bà Ư) và 15 sào ruộng, bà D1 được quyền sử dụng 02 sào đất thổ cư. Gia đình đã phân chia đất cho bà A, bà D1 xong. Ông S đã nhận 20 sào ruộng và 500.000 đồng. Bà H đã nhận 126 m^2 đất. Di sản hiện còn căn nhà và thửa đất số 2426, diện tích 885m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01057 ngày 20/9/2011 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Á, tại ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Hiện bà Á quản lý thửa đất, bà H quản lý căn nhà, nhưng bà H không đồng ý giao lại căn nhà cho bà Á, nên bà Á khởi kiện yêu cầu bà H phải giao căn nhà cho bà Á quản lý theo Di chúc. Bà Á đồng ý chia quyền sử dụng đất cho ông S, bà H theo Di chúc. Do phần đất chia ông M giáp gò bà Ư nay là đất nghĩa địa do xã quản lý, nên bà Á yêu cầu chia cho ông M phần đất có gian nhà chính (Nhà trên), bà Á xin nhận gian nhà phụ (Nhà dưới). Nếu ông M không thống nhất thì bà Á yêu cầu Tòa xử theo Di chúc. Đối với chị L1 đang sử dụng một phần diện tích thửa 2426 đã xây tường rào và nhà kiên cố của chị L1, bà Á không yêu cầu Tòa giải quyết, để bà Á và chị L1 tự thỏa thuận.

* Trong đơn phản tố ngày 03 tháng 9 năm 2020 và quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị H trình bày: Theo Di chúc ngày 22/8/1997 bà H được chia 02 sào (Tương đương 200m^2) đất thổ cư, nhưng bà Á chỉ giao bà H nhận 126m^2 đã được cấp giấy

quyền sử dụng đất cho bà H thửa 2429. Bà H yêu cầu bà Á phải chia cho bà H 74 m^2 đất cho đủ diện tích đất của bà H được hưởng theo Di chúc. Bà H thống nhất chia thừa kế đất cho ông S và ông M theo Di chúc. Bà H không thống nhất yêu cầu của bà Á chia ông M phần đất có gian nhà chính (Nhà trên), chia bà Á gian nhà phụ (Nhà dưới). Bởi vì theo nội dung Di chúc phải giữ nguyên căn nhà giao bà Á quản lý để làm nhà thờ cúng ông bà chung, không được chia cho cá nhân, không được chuyển nhượng người khác. Nhưng vì bà Á bỏ nhà thờ đi không lo cúng ông bà mà còn bán tài sản nhà thờ nên bà H không đồng ý giao lại căn nhà cho bà Á quản lý.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 08 tháng 3 năm 2022 và quá trình xét xử, người đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn S là anh Nguyễn Ngọc V trình bày: Thống nhất nội dung Di chúc như bà Á trình bày. Vào khoảng năm 1996, cụ M1 và cụ S1 đã cho ông S sử dụng 03 sào (Tương đương 300m^2) đất cất nhà ở cho đến nay. Ông S đã xây nhà kiên cố trên thửa đất 2426. Sau khi cụ M1 chết bà Á quản lý toàn bộ thửa đất 2426, chưa chia đất cho ông S theo Di chúc. Ông S yêu cầu bà Á chia quyền sử dụng đất cho ông S theo Di chúc. Ông S đồng ý nhận diện tích 291,5m^2 theo hiện trạng sử dụng đất có căn nhà của ông S đang ở.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 14 tháng 7 năm 2022 và quá trình xét xử, ông Nguyễn Văn M trình bày: Theo Di chúc ngày 22/8/1997, ông M được chia 15 sào ruộng và 02 sào đất thổ cư giáp gò bà Ư. Khi cụ M1 còn sống đã chia ông M nhận 15 sào ruộng. Sau khi cụ M1 chết bà Á quản lý toàn bộ đất chưa chia 02 sào (Tương đương 200m^2) đất cho ông M theo Di chúc. Ông M yêu cầu bà Á chia quyền sử dụng đất cho ông M 200m^2 thửa 2426. Ông M không đồng ý nhận phần đất có gian nhà chính (Nhà trên) để chia bà Á gian nhà phụ (Nhà dưới), vì trong Di chúc có ghi giao toàn bộ căn nhà cho bà Á quản lý làm nhà thờ cúng ông bà chung, không được sang bán.

* Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị A trình bày thống nhất như bà Á. Bà A đã được chia đất theo Di chúc. Bà A không có yêu cầu gì trong vụ án này. Sau khi bà A chết, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà A là chị Nguyễn Thị Xuân L và chị Phạm Thị L1 không có yêu cầu khác.

* Người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Ngọc Q, chị Phạm Thị Thu H3 là anh Nguyễn Ngọc V trình bày thống nhất yêu cầu như bà Á và ông S. Bà Đ, anh Q, chị H3 không có yêu cầu khác.

* Bà Nguyễn Thị D1 trình bày thống nhất nội dung Di chúc. Bà D1 đã được chia đất theo Di chúc. Bà D1 thống nhất yêu cầu của bà Á và ông S. Bà D1 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

* Chị Nguyễn Thị Kim H1 và chị Dương Thị Thanh H2 thống nhất yêu cầu như bà H, không có yêu cầu khác. Chị Dương Thị Thanh H2 đề nghị Hội đồng xét xử khi chia quyền sử dụng đất theo Di chúc có xem xét thành viên hộ.

* Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị L1 trình bày: Khi chị L1 xây nhà và xây tường rào giáp thửa đất 2426, bà Á có đồng ý cho chị L1 xây lấn qua thửa đất 2426, nên hiện nay có một phần nhà và tường rào của chị L1 đã xây trên thửa 2426 như bản vẽ đo đất thể hiện. Chị L1 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Xuân L vắng mặt, không có lời trình bày.

* Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phân tích nội dung Di chúc lập ngày 22/8/1997 và hiện trạng di sản. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Á, buộc bà Nguyễn Thị H phải giao toàn bộ căn nhà theo hiện trạng trên thửa đất 2426 cho bà Á được quản lý theo Di chúc; chia quyền sử dụng đất theo Di chúc.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 624, 627, 630, 643 Bộ luật dân sự năm 2015 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Á, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao lại căn nhà trên thửa đất số 2426, tại ấp G, xã T cho bà Á quản lý, sử dụng theo Di chúc. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H, chia thừa kế theo di chúc cho bà H phần đất có diện tích 74m^2 thuộc thửa đất 2426. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn S, chia thừa kế theo di chúc cho ông S, ghi nhận ông S tự nguyện nhận phần đất có diện tích 291,5m^2 thuộc thửa đất 2426. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu bà Á chia thừa kế theo di chúc phần đất có diện tích 200m^2 thuộc thửa đất 2426. Chia thừa kế theo di chúc cho bà Á phần diện tích đất còn lại của thửa đất 2426.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim H1, chị Phạm Thị L1 và chị Nguyễn Thị Xuân L được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim H1, chị Phạm Thị L1 và chị Nguyễn Thị Xuân L.

Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn phản tố, đơn yêu cầu độc lập và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp thừa kế tài sản được quy định khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Các đương sự thống nhất xác định trước khi chết cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đào Thị S1 cùng lập Di chúc ngày 22 tháng 8 năm 1997. Các đương sự thống nhất yêu cầu chia tài sản theo Di chúc.

* Hình thức Di chúc được lập thành văn bản, người lập di chúc có ký tên, điểm chỉ, có chứng thực của UBND xã T, huyện G ngày 29/11/1997. Theo quy

định Điều 649, 652, 657 Bộ luật dân sự năm 2005, Di chúc ngày 22/8/1997 là di chúc hợp pháp.

* Hiệu lực pháp luật của di chúc: Trích lục khai tử số 67/TL.KT-BS ngày 10/02/2022, UBND xã T chứng nhận cụ Nguyễn Văn M1 chết ngày 30/6/2011. Trích lục khai tử số 66/TL. KT-BS ngày 10/02/2022, UBND xã T chứng nhận cụ Đào Thị S1 chết ngày 29/02/2013. Theo quy định Điều 667, 668 Bộ luật dân sự năm 2005, Di chúc của cụ M1 và cụ S1 có hiệu lực pháp luật từ thời điểm cụ S1 chết.

* Di sản: Các đương sự thống nhất xác định nguồn gốc căn nhà là tài sản của cụ M1 và cụ S1 xây dựng trước năm 1975; nguồn gốc đất của ông bà để lại cho cụ M1 và cụ S1 quản lý sử dụng, được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04834/A7 ngày 15/11/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn M1, thửa đất số 1691, tờ bản đồ số 01, diện tích 2726m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Quá trình sử dụng đất đến năm 2011 thửa 1691 được tách thành 05 thửa để chia cho bà D1 (Thửa 2427), bà A (Thửa 2428), bà H (Thửa 2429), thửa 2430 (Đất nghĩa địa do UBND xã T quản lý) và thửa 2426, diện tích 885m^2, loại đất ở nông thôn (150m^2) và đất trồng cây lâu năm (735m^2), tại ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01057 ngày 20/9/2011 cấp cho hộ Nguyễn Thị Á (BL 161). Hội đồng xét xử xác định di sản chưa được chia là căn nhà và quyền sử dụng đất thửa số 2426 nêu trên. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất 2426 có diện tích đo 849,2m^2. Hiện trạng đất có căn nhà (Di sản thừa kế) diện tích 107,6m^2 và sân phía trước nhà diện tích 52,5m^2, phần đất ông S đang sử dụng diện tích 291,5m2 có căn nhà của ông S, phần đất chị L1 đã xây tường rào 3,4 m^2 và xây nhà kiên cố 58,1m^2.

* Người thừa kế được chỉ định trong Di chúc gồm: Bà Nguyễn Thị Á, ông Nguyễn Văn S, bà nguyễn Thị A1, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị D1. Các đương sự thống nhất trình bày đã chia tài sản cho bà A1, bà D1 xong, đã chia bà H, ông S, ông M nhận một phần tài sản theo Di chúc, phần còn lại chưa chia.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Á yêu cầu bà H phải giao căn nhà cho bà Á quản lý theo Di chúc. Bà H không đồng ý giao nhà nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh cụ thể lý do không đồng ý giao nhà cho bà Á. Trong Di chúc ngày 22/8/1997 có ghi *"Nguyễn Thị Anh sinh 1954 toàn quyền sử dụng căn nhà thờ (nêu trên) để thờ cúng ông bà…",* đây là ý nguyện của cụ M1 và cụ S1. Di chúc có hiệu lực nên các đồng thừa kế phải thực hiện theo Di chúc. Theo quy định Điều 670 Bộ luật dân sự năm 2005, toàn bộ căn nhà có diện tích đo 107,6m^2 và sân phía trước nhà 52,5m^2, tổng cộng 160,1m^2 thuộc thửa đất 2426 là di sản dùng vào việc thờ cúng. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á, buộc bà H có nghĩa vụ giao toàn bộ căn nhà trên thửa đất 2426 cho bà Á quản lý để thực hiện việc thờ cúng theo Di chúc ngày 22/8/1997.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Á chia quyền sử dụng đất theo di chúc cho bà H 74m^2 đất thửa 2426. Bà Á thống nhất yêu cầu của bà H thực hiện đúng nội dung Di chúc ngày 22/8/1997, phù hợp pháp luật, nên

Hội đồng xét xử ghi nhận và có xem xét hiện trạng sử dụng đất để chia cho bà H phần đất ở vị trí giáp thửa 2429 của bà H đang sử dụng.

[5] Xét yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn S yêu cầu bà Á chia quyền sử dụng đất theo di chúc cho ông S 291,5m^2 đất thửa 2426 theo hiện trạng sử dụng. Bà Á thống nhất yêu cầu của ông S thực hiện đúng nội dung Di chúc ngày 22/8/1997, phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Xét yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà Á chia quyền sử dụng đất theo di chúc cho ông M 200m^2 thửa đất 2426. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù trong Di chúc ngày 22/8/1997 có nội dung *chia cho ông M 02 sào đất thổ cư từ phía gò bà Ư đến ruộng.* Tuy nhiên, phần đất này đến năm 2011 được xác định là đất nghĩa địa thuộc thửa đất số 2430 do UBND xã T quản lý. Do đó phần di sản này không còn vào thời điểm mở thừa kế. Theo quy định khoản 3 Điều 667 Bộ luật dân sự năm 2005 thì phần di sản để lại cho ông M không có hiệu lực. Bà Á yêu cầu chia cho ông M phần đất có giang nhà chính (Nhà trên), bà Á xin nhận giang nhà phụ (Nhà dưới) là không đúng ý chí định đoạt của người lập di chúc, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Á. Ông M yêu cầu bà Á chia thừa kế theo di chúc cho ông M 200m^2 đất thửa 2426 là không có căn cứ chấp nhận. Do đó phần diện tích còn lại 323,6m^2 thửa 2426 thuộc quyền sử dụng đất của bà Á được chia theo di chúc.

[7] Trong diện tích 323,6m^2 bà Á được quyền sử dụng có một phần diện tích chị L1 đã xây tường rào 3,4m^2 và xây nhà kiên cố 58,1m^2. Ghi nhận bà Á và chị L1 tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết phần đất chị L1 đã xây tường rào và xây nhà kiên cố trên thửa đất 2426.

Đề nghị của luật sư có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị tài sản được nhận theo giá đất quy định. Bà Á, bà H, ông M là người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 649, 652, 657, 667, 668, 670 Bộ luật dân sự năm 2005, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Á, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao toàn bộ căn nhà có diện tích 107,6m^2 và sân phía trước nhà 52,5m^2, tổng cộng 160,1m^2 thuộc thửa đất 2426 cho bà Nguyễn Thị Á quản lý để thực hiện việc thờ cúng theo Di chúc ngày 22/8/1997, kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị Á có nghĩa vụ giao phần đất diện tích 74m^2 thửa đất 2426 cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đất theo Di chúc, kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn S. Bà Nguyễn Thị Á có nghĩa vụ giao phần đất diện tích 291,5m^2 thửa đất 2426 cho ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng đất theo Di chúc, kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh chia quyền sử dụng đất theo di chúc cho ông M 200m^2 thửa 2426. Bà Nguyễn Thị Á được quyền sử dụng diện tích 323,6m^2 thửa đất 2426 (Trên đất có một phần diện tích chị Phạm Thị L1 đã xây tường rào 3,4m^2, xây nhà kiên cố 58,1m^2). Ghi nhận bà Á và chị L1 tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết phần đất chị L1 đã xây tường rào và nhà, kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

Khi án có hiệu lực pháp luật, đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn M. Ông M được nhận lại số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu số 0007996 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Ông Nguyễn Văn S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.101.000 đồng, được trừ số tiền 1.050.000 đồng theo biên lai thu số 0007793 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, ông S còn phải nộp số tiền 4.051.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ
- Chi cục THA DS huyện GCĐ
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thanh Minh Nguyễn Tấn Đ1 | **Trần Văn D2**